

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2020**

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 253/2006/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động Khu kinh tế mở Chu Lai tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ văn bản số 922/VPCP-ĐP ngày 16/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt và ký Quyết định Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2020.

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam tại tờ trình số 3100/TTr-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2009;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

a) Phát triển Khu kinh tế mở Chu Lai trong tầm nhìn chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Quốc gia, Chiến lược biển của Việt Nam mà trong đó Khu kinh tế mở Chu Lai là một trong những trung tâm phát triển của vùng biển miền Trung, tỉnh Quảng Nam, trong thế gắn kết phát triển và phối hợp

liên vùng với các nước láng giềng phía Tây (Campuchia - Lào - Thái Lan), Tây Nguyên và với Khu kinh tế Dung Quất;

b) Phát triển Khu kinh tế mở Chu Lai trọng tâm là khu phi thuế quan có khu thương mại tự do gắn một phần cảng Kỳ Hà và sân bay quốc tế Chu Lai trở thành một trong những trung tâm dịch vụ tài chính, ngân hàng, thương mại, du lịch, viễn thông, dịch vụ khác của tỉnh Quảng Nam, vùng Duyên Hải Trung Bộ;

c) Xây dựng và phát triển Khu kinh tế mở Chu Lai trên cơ sở khai thác và phát huy triệt để những tiềm năng, lợi thế sẵn có trong khu vực, đặc biệt là lợi thế về du lịch biển, sân bay, bến cảng... đồng thời nắm vững thời cơ và các vận hội phát triển mới của cả khu vực để phát triển nhanh, tạo sự đột phá và động lực mạnh thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh và khu vực miền Trung;

d) Tận dụng tối đa các cơ hội và sự quan tâm của nhà nước và của các nhà đầu tư, nhất là các nhà đầu tư nước ngoài; huy động mọi nguồn lực cả trong và ngoài nước, đặc biệt là nguồn lực ngoài nước để đầu tư cho những công trình có quy mô lớn tạo động lực phát triển cho Khu kinh tế mở Chu Lai;

đ) Xây dựng và phát triển Khu kinh tế mở Chu Lai có tầm nhìn dài hạn trên quan điểm mở cửa hội nhập và phù hợp với các thông lệ quốc tế, đồng thời phải có bước đi thích hợp, đảm bảo tính hiệu quả và khả thi cao;

e) Phát triển Khu kinh tế mở Chu Lai phải trên quan điểm tổng hợp, kết hợp hài hòa giữa lợi ích của địa phương với lợi ích của các ngành và lợi ích quốc gia; đồng thời phải đảm bảo hiệu quả tổng hợp về kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát:

- Xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai thành một khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, trọng tâm là phát triển công nghiệp cơ khí chế tạo và ngành công nghiệp sử dụng công nghệ cao, khu thương mại tự do Chu Lai (theo Quyết định số 185/2007/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ) gắn với cảng Kỳ Hà và sân bay Quốc tế Chu Lai, khu du lịch dịch vụ cao cấp ven biển, khu đào tạo quốc tế, khu công nghệ cao và các loại hình dịch vụ tài chính, ngân hàng,... gắn với kết cấu hạ tầng kỹ thuật hiện đại, hệ thống cơ chế chính sách ổn định lâu dài.

- Phát triển sản xuất, tạo ra những sản phẩm có chất lượng và khả năng cạnh tranh cao; đẩy mạnh xuất khẩu và mở rộng ra thị trường thế giới.

- Tạo việc làm, thúc đẩy đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Đầu tư xây dựng và phát triển Khu kinh tế mở Chu Lai đến năm 2020 trở thành khu vực phát triển năng động, một trung tâm công nghiệp - du lịch,

dịch vụ của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và là động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá khu vực miền Trung và cả nước.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất thời kỳ 2011 - 2015 tăng 43 - 43,1%, thời kỳ 2016 - 2020 tăng 61 - 61,5%.

- Về cơ cấu kinh tế theo giá trị sản xuất:

+ Đến năm 2015, tỷ trọng của các ngành công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp là 42%, 38% và 20%. Đến năm 2020, tỷ trọng của các ngành dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp là 45,2%, 39,8% và 15%.

- Giá trị xuất khẩu đạt khoảng 30,5 triệu USD vào năm 2015 và 335 - 340 triệu USD vào năm 2020.

- Thu ngân sách đạt khoảng 2.940 -3.000 tỷ đồng vào năm 2015 và 5.880 - 6.000 tỷ đồng vào năm 2020.

- Đến năm 2015, thu hút khoảng 50 -51 nghìn lao động và 160-170 nghìn lao động vào năm 2020.

- Đến năm 2015, suất đầu tư/ha đạt khoảng 6 - 10 triệu USD/ha.

- Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu một cách đồng bộ, ưu tiên hàng đầu cho việc xây dựng hệ thống cảng Kỳ Hà, phối hợp nâng cấp Cảng hàng không Chu Lai, hạ tầng kết nối khu phi thuế quan, các khu công nghiệp, khu du lịch, khu đô thị.

- Phân đầu đến năm 2015 lấp đầy các khu công nghiệp Tam Hiệp, Bắc Chu Lai, 1/3 khu phi thuế quan giai đoạn 1, trong đó chủ yếu khu thương mại tự do; xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kết nối và hạ tầng chính các khu đô thị trọng điểm, hoàn thành giai đoạn 1 của quá trình xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai.

- Đến năm 2015, Khu kinh tế mở Chu Lai đóng góp khoảng 38% giá trị sản xuất, 45% thu ngân sách, 31 - 32% giá trị xuất khẩu và thu hút 42 - 43% lao động của tỉnh. Đến năm 2020, đóng góp khoảng 50% giá trị sản xuất, 50-52% thu ngân sách, 56 - 57% giá trị xuất khẩu và thu hút 50 - 52% lao động của tỉnh.

3. Phương hướng phát triển các ngành và lĩnh vực đến năm 2020

a) Phát triển các ngành dịch vụ du lịch, dịch vụ thương mại, dịch vụ vận tải, dịch vụ phục vụ phát triển kinh tế tri thức.

- Phát triển đa dạng các loại hình du lịch biển và vui chơi giải trí chất lượng cao đạt tiêu chuẩn quốc tế, du lịch văn hóa, lịch sử và nghỉ dưỡng. Phát triển khu du lịch Bãi Rạng, khu du lịch Tam Hòa, khu du lịch Tam Tiến, khu du lịch Tam Thanh, khu du lịch hồ Thái Xuân và khu du lịch văn hóa lịch sử

Núi Thành. Đầu tư phát triển khu du lịch Tam Hải trở thành khu du lịch phức hợp với nhiều loại hình du lịch cao cấp theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Xúc tiến đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phát triển kinh doanh dịch vụ: trung tâm giao dịch, dịch vụ công nghệ thông tin, công nghệ phần mềm; trung tâm thương mại, xuất nhập khẩu, hội chợ và triển lãm quốc tế; trung tâm sản xuất, gia công, chế biến hàng xuất khẩu; trung tâm tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh hàng hoá quốc tế.

- Xây dựng và kêu gọi đầu tư phát triển theo quy hoạch các lĩnh vực của khu phi thuế quan, trọng tâm là khu thương mại tự do theo Quyết định số 185/2007/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Khu thương mại tự do Chu Lai.

- Hình thành các trung tâm thương mại, xuất nhập khẩu, hội chợ và triển lãm quốc tế; trung tâm sản xuất, gia công, chế biến hàng xuất khẩu; trung tâm tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh hàng hoá quốc tế; trung tâm dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, lô-gi-stic trong khu thương mại tự do.

- Phát triển dịch vụ cảng và vận tải biển, vận tải đường bộ như vận chuyển hàng hoá, hành khách, dịch vụ bốc dỡ, kho bãi, dịch vụ sửa chữa, lai đất, cứu hộ...; dịch vụ vận tải hàng không với các loại hình vận tải hàng hoá, hành khách trong nước và quốc tế; xuất, nhập khẩu hàng hoá; kho bãi, chuyên phát, sửa chữa máy bay.

- Phát triển các dịch vụ giáo dục và đào tạo và huấn luyện công nhân, kỹ thuật viên công nghệ cao..., dịch vụ y tế, chăm sóc sức khoẻ; dịch vụ về nhà ở, sinh hoạt văn hoá và các dịch vụ khác có liên quan đến đời sống của cư dân và khách vắng lại.

- Ưu tiên phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ phát triển kinh tế tri thức như: dịch vụ bưu chính, viễn thông; dịch vụ công nghệ thông tin; dịch vụ khoa học và công nghệ; dịch vụ tài chính, ngân hàng và dịch vụ bảo hiểm.

b) Phát triển công nghiệp và hình thành khu công nghiệp

- Phát triển các ngành công nghiệp sạch, công nghiệp sử dụng công nghệ cao, đồng thời thu hút phát triển một số ngành công nghiệp ưu tiên để giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương, phục vụ tiêu dùng và phục vụ các khu công nghiệp, khu du lịch...

- Các ngành công nghiệp ưu tiên phát triển là cơ khí chế tạo; thiết bị điện tử, viễn thông và công nghệ thông tin; sản phẩm từ công nghệ mới; sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp.

- Hình thành và phát triển khu công nghệ cao và các khu công nghiệp:

+ Đến năm 2020 lấp đầy diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê và cao tầng hoá các cơ sở công nghiệp trong khu công nghiệp để tiết kiệm đất, hình thành cơ bản khu công nghệ cao.

+ Hình thành và phát triển các khu công nghiệp chủ yếu trong Khu kinh tế mở Chu Lai như: khu công nghiệp Bắc Chu Lai có diện tích 630 ha, trong đó khu công nghiệp cơ khí ô tô Trường Hải 243 ha; khu công nghiệp Tam Anh 1.915 ha; khu công nghiệp Tam Hiệp và hậu cần cảng Tam Hiệp 710 ha.

+ Xây dựng và phát triển khu công nghệ cao Tam Thăng 300 ha trong Khu kinh tế mở Chu Lai.

c) Phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững gắn với chế biến, tái định cư khu vực nông nghiệp, gắn với cải tạo, quy hoạch sử dụng đất. Chú trọng phát triển và hình thành các khu chuyên canh, với các ngành sản xuất hướng vào cung cấp nguyên liệu, rau quả, thực phẩm chất lượng cao. Đầu tư và áp dụng công nghệ khoa học tiên tiến để thay đổi cơ cấu cây trồng, chăn nuôi tập trung để tăng hiệu quả sử dụng đất.

- Nghiên cứu sản xuất gắn với việc xây dựng Trung tâm hỗ trợ kỹ thuật để hỗ trợ, chuyển giao kỹ thuật và công nghệ mới cho dân tái định cư. Kết hợp các ngành nghề truyền thống với phát triển dịch vụ và du lịch.

- Phát triển ngành thủy sản đảm bảo cho việc duy trì nghề nghiệp đối với nhân dân tại các xã Tam Hải, Tam Quang, Tam Giang sau khi di dời đến nơi ở mới.

d) Phát triển một số lĩnh vực xã hội:

- Đến năm 2020, quy mô dân số khoảng 650 nghìn người. Tỷ lệ dân số đô thị đạt 45% năm 2020.

- Đến năm 2015, tỷ lệ lao động có trình độ từ công nhân kỹ thuật trở lên chiếm 35% - 40% so với tổng số lao động của Khu kinh tế mở Chu Lai và phấn đấu đến năm 2020 đạt tỷ lệ từ 60% - 65%.

- Tạo điều kiện giải quyết việc làm và nâng cao đời sống các hộ dân cư, các hộ tái định cư trong Khu kinh tế mở Chu Lai bằng cách đào tạo kỹ thuật, nâng cao tay nghề cho lao động nông nghiệp, ưu tiên sử dụng lao động của vùng đã qua đào tạo vào làm trong các lĩnh vực công nghiệp tại Khu kinh tế mở Chu Lai; đồng thời, từng bước mở rộng các ngành, các lĩnh vực dịch vụ để góp phần chuyển đổi mạnh ngành nghề cho dân cư trong vùng.

- Phát triển giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực: đa dạng hóa các loại hình đào tạo; từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất ngành giáo dục. Quy hoạch xây dựng Trung tâm đào tạo, dạy nghề có quy mô 295 ha ở Tam Phú.

Xây dựng trường phổ thông quốc tế Chu Lai, Trường Đại học dân lập tại Tam Phú (Tam Kỳ), Trường dạy nghề chất lượng cao.

- Xây dựng Bệnh viện đa khoa Trung ương tại Quảng Nam. Đầu tư xây dựng phòng khám, điều trị chất lượng cao tại khu vực Chu Lai, Kỳ Hà .

- Xây dựng Tượng đài Mẹ Việt Nam anh hùng, đây vừa là công trình văn hoá trong Khu kinh tế mở Chu Lai. Xây dựng trung tâm văn hoá thể thao ở đô thị Núi Thành, đô thị Tam Hoà, Tam Phú, Tam Anh.

- Xây dựng các công trình tiện ích xã hội như: Trung tâm phòng cháy - chữa cháy, các công viên văn hoá và các công trình xã hội, văn hóa khác.

d) Phát triển nhà ở và các công trình công cộng

- Xây dựng nhà ở đồng bộ với phát triển các công trình công cộng, dịch vụ chung như nhà trẻ, trường học, bệnh viện và các công trình tiện ích khác. Chú trọng và ưu tiên đối với các đối tượng dân cư sống và làm việc trong Khu kinh tế mở Chu Lai.

- Hình thành phát triển khu đô thị Tam Phú (2.000ha), khu đô thị Tam Hoà (1.640ha), khu đô thị Tam Hiệp (215ha), đầu tư nâng cấp khu đô thị Núi Thành trở thành đô thị loại III và phát triển các khu đô thị khác theo quy hoạch được duyệt.

- Tập trung xây dựng hoàn chỉnh các khu tái định cư dở dang để phục vụ yêu cầu giải phóng mặt bằng xây dựng công trình: khu tái định cư ở Tam Quang (86 ha), khu tái định cư Tam Hiệp (12 ha), khu tái định cư Chợ Trạm (23 ha), khu tái định cư phía Tây đường An Hà - Quảng Phú (27ha), khu tái định cư ĐT 617 (63 ha) và các khu, điểm tái định cư tại Tam Hoà, Tam Tiến, Tam Anh, Tam Thăng.

- Tiếp tục ưu tiên đầu tư mới các khu tái định cư ở phía Tây đường thanh niên ven biển (110 ha); phía Tây sông Trường Giang (185 ha); khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng khu du lịch Tam Hải (200 ha); khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng khu thương mại tự do (200 ha); khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng khu công nghiệp Tam Anh (110 ha) và các khu nghĩa trang tại Núi Thành và Tam Kỳ (40 ha).

e) Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng:

- Đầu tư phát triển sân bay quốc tế Chu Lai theo quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Chu Lai đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 543/QĐ-TTg ngày 13 tháng 5 năm 2008, tiêu chuẩn sân bay cấp 4F (theo mã chuẩn của tổ chức hàng không dân dụng quốc tế - ICAO) và sân bay quân sự cấp I, đến năm 2015 tổng lượng hành khách tiếp nhận là 2,2 triệu lượt/năm, lượng hàng hoá thông qua cảng 1,5 triệu tấn/năm, đến năm 2025, tổng lượng hàng khách tiếp nhận là 4,1 triệu lượt/năm, lượng hàng hoá qua cảng 5 triệu tấn/năm.

- Xây dựng tuyến đường sắt xuyên Việt mới khổ 1.435 km chạy qua Khu kinh tế mở Chu Lai về phía Tây Nam. Có kế hoạch di dời ga Núi Thành ra khỏi trung tâm thị trấn Núi Thành, xây dựng mới về hướng Tây Nam để đảm bảo yêu cầu giao thông và phát triển đô thị trong tương lai.

- Phát triển mạng lưới giao thông đường bộ:

+ Xây dựng tuyến đường cao tốc Đà Nẵng - Dung Quất chạy qua Khu kinh tế mở Chu Lai về phía Tây (phía Đông của hồ Phú Ninh), song song với tuyến đường sắt xuyên Việt.

+ Xây dựng cầu vượt Quốc lộ 1A đảm bảo liên kết giao thông đường trục chính ra cảng Tam Hiệp kết nối với các mạng lưới trục giao thông chính trong Khu kinh tế mở Chu Lai.

+ Hình thành tuyến trục dọc Khu kinh tế mở Chu Lai (đường trục trung tâm nằm ở phía Đông Quốc lộ 1A) gắn với đường du lịch ven biển quốc gia và đường nối Khu kinh tế Dung Quất, dài 17 km.

+ Xây dựng các tuyến đường ngang nối từ đường cao tốc và Quốc lộ 1A đến trục dọc Khu kinh tế mở Chu Lai và đường du lịch ven biển, dài 80 km.

+ Xây dựng các tuyến giao thông trong các khu đô thị, khu công nghiệp theo quy hoạch.

- Phát triển cảng biển

+ Quy hoạch và xây dựng cảng Kỳ Hà đáp ứng cho tàu 30.000 tấn (gồm có cả khu vực bến cảng và khu hậu cần cảng Tam Hiệp) đi liền với nghiên cứu tác động của phù sa bồi đắp ảnh hưởng đến sự vận hành của cảng để đảm bảo chức năng của cảng phục vụ vận tải và du lịch của Khu kinh tế mở Chu Lai.

+ Xây dựng thêm cầu cảng và bến bãi để đảm bảo công suất cảng đạt khoảng 1,9 triệu tấn/năm vào năm 2015 và đến năm 2020 đạt khoảng 4,5 triệu tấn/năm.

- Phát triển đường thủy nội địa:

+ Cải tạo sông Trường Giang thành tuyến giao thông thủy liên đô thị phục vụ du lịch, vận tải hàng hóa và hành khách.

+ Xây dựng hệ thống bến tàu thuyền khách; hệ thống bến, cảng cá phục vụ cho ngư dân đánh bắt và chế biến hải sản.

- Phát triển hệ thống cấp điện:

Nguồn cung cấp điện cho Khu kinh tế mở Chu Lai lấy từ lưới điện quốc gia dẫn đến trạm giảm áp chính trong khu vực 220/110 KV; từ các trạm này, điện 110 KV được dẫn đến các trạm 110/22 KV để cấp điện cho Khu kinh tế mở Chu Lai.

- Phát triển hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải và chất thải rắn:

+ Cấp nước:

Triển khai rà soát, điều chỉnh quy hoạch thủy lợi của tỉnh, nghiên cứu bổ sung 2 hồ Phú Ninh và Thái Xuân đảm bảo chức năng chính là cấp nước cho các mục đích phục vụ nông nghiệp, thủy lợi đồng thời cân đối nguồn để cấp nước cho Khu kinh tế mở Chu Lai và thành phố Tam Kỳ. Lập dự án xây dựng các đập, hồ chứa trong vùng để đảm bảo nhiệm vụ tưới cho đất canh tác nông nghiệp hỗ trợ một phần công suất tưới cho hồ Phú Ninh và Thái Xuân.

Điều tra khảo sát để khai thác nước dưới đất, tạo nguồn cấp nước bổ sung (khoảng 100.000 m³/ngày) cho nhu cầu dùng nước các đô thị trong vùng. Quy hoạch trạm bơm tăng áp và mạng lưới đường ống truyền dẫn và phân phối nước, các công trình đầu mối.

Phấn đấu đến năm 2020 có 95% dân số được cấp nước sạch với 150 lít/người, ngày đêm.

+ Thoát nước, xử lý nước thải và chất thải rắn: xây dựng hệ thống thoát nước thải theo 4 lưu vực chính là: lưu vực chính thoát vào sông Tam Kỳ, sông Trường Giang, sông Tân An, vịnh Kỳ Hà và vịnh Thuế Quan. Nước thải được quy hoạch tách riêng nước mưa, nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp để xử lý. Các nhà đầu tư sản xuất, kinh doanh phải xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn loại A trước khi xả ra sông, biển. Quản lý và xử lý nước thải, chất thải rắn phải bảo đảm tiêu chuẩn về giữ gìn vệ sinh môi trường.

Xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải rắn của Khu kinh tế mở Chu Lai có quy mô 30 ha, bao gồm: nhà máy xử lý chất thải rắn chế biến phân hữu cơ chất lượng cao phục vụ cho nông nghiệp; bãi chôn lấp chất thải rắn hữu cơ (bộ phận không sử dụng làm phân được), chất thải rắn vô cơ, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại; bãi chôn lấp chất thải rắn công nghiệp nguy hại (không xử lý được bằng phương pháp đốt); lò đốt chất thải rắn công nghiệp nguy hại, khu xử lý nước rác và các công trình phụ trợ khác.

Khu nghĩa địa bố trí theo hướng phân tán ở phía Tây thuộc khu vực các xã Tam Hiệp, Tam Nghĩa,...

- Thông tin và truyền thông

+ Nâng cao năng lực mạng vận chuyển, khai thác bưu chính trong nước và quốc tế, tự động hoá các khâu chia chọn và khai thác bưu chính, tăng cường giá trị của dịch vụ cộng thêm và dịch vụ mới.

+ Xây dựng mạng truy nhập quang đến các khu công nghiệp, sân bay Chu Lai, cảng Kỳ Hà, khu công nghệ cao, các khu du lịch. Mạng nội hạt được ngầm hoá triệt để nhằm đảm bảo mỹ quan môi trường đô thị.

+ Phát triển mới các điểm phục vụ, các đại lý đa dịch vụ. Xây dựng trung tâm giao dịch, chuyển phát tại khu vực cảng Kỳ Hà.

+ Xây dựng mạng chuyên mạch và tuyến cáp quang: Núi Thành - Tam Hoà, Núi Thành - Tam Giang.

g) Bảo vệ môi trường và phát triển công nghệ.

- Quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên (đất, nước, khoáng sản, môi trường,...) trong Khu kinh tế mở Chu Lai đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

- Triển khai thực hiện và sớm hoàn thành dự án kè Cửa Lở, các dự án đầu tư bảo vệ môi trường của thành phố Tam Kỳ; dự án cấp nước.

- Hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, khắc phục tình trạng suy thoái môi trường. Sử dụng hợp lý, có hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên. Nhanh chóng triển khai thực hiện các dự án cấp nước tại các địa bàn trọng điểm. Lập dự án kêu gọi đầu tư vào các công trình cấp nước tại KKTM.

- Giải quyết triệt để vấn đề thu gom và xử lý nước thải. Trong KKTM phải có các trạm xử lý nước thải, tiến tới xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo tiêu chuẩn tiên tiến, tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường và các tiêu chuẩn Việt Nam. Thực hiện có hệ thống công tác thu gom, vận chuyển và lưu giữ tạm thời chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại; nhanh chóng tìm ra biện pháp xử lý chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại. Thường xuyên tiến hành phân tích, giám sát chất lượng môi trường nhằm đảm bảo xử lý kịp thời các sự cố về môi trường.

4. Định hướng phát triển theo không gian

a) Phát triển theo không gian của Khu kinh tế mở Chu Lai: trước hết tập trung đầu tư cho khu vực Núi Thành với các mục tiêu: sân bay, cảng biển, khu công nghiệp, khu thương mại tự do, khu du lịch và đô thị. Hướng phát triển theo hướng mở rộng dần về phía Tây và phía Bắc của Khu kinh tế mở Chu Lai. Quy mô hiện tại của Khu kinh tế mở là 32.040 ha.

b) Đối với khu phi thuế quan:

Trước năm 2015, tập trung đầu tư phát triển khu Thương mại tự do khoảng 400 - 600 ha ở xã Tam Quang gắn liền một phần cảng Kỳ Hà và sân bay Chu Lai; khai thác triệt để quỹ đất cồn cát ven biển, gò đồi, đất trống trong khu vực này để tăng quỹ đất xây dựng.

c) Đối với khu thuế quan

- Quy hoạch sử dụng đất của các phân khu chức năng: các khu công nghiệp, kho tàng, các trung tâm thương mại, dịch vụ, các khu du lịch, dịch vụ giải trí, khu đô thị, khu hành chính.

- Các khu công nghiệp Bắc Chu Lai (bao gồm khu công nghiệp ô tô), khu công nghiệp Tam Anh, khu công nghiệp Tam Hiệp và hậu cần cảng Tam Hiệp, khu công nghệ cao Tam Thăng được bố trí bám dọc theo quốc lộ 1A và giáp với trục đường cao tốc. Đất khu công nghệ cao, khu công nghiệp, kho tàng khoảng 3.000 ha.

- Các trung tâm thương mại, dịch vụ được bố trí trong các khu đô thị.

- Các khu du lịch, dịch vụ giải trí phân bố dọc theo bãi biển và sông Trường Giang tại các xã Tam Hải, Tam Hoà, Tam Tiến, Tam Thanh, Tam Quang, Tam Nghĩa.

- Trung tâm đào tạo dạy nghề, nghiên cứu khoa học, y tế có quy mô 295 ha sẽ được bố trí cạnh đô thị Tam Phú.

- Các khu đô thị mới Tam Phú, Tam Hoà, Tam Hiệp, Tam Anh, Sông Đầm và Núi Thành được bố trí ở khu vực giữa Khu kinh tế mở Chu Lai.

- Các khu dân cư nông thôn được bố trí ở Tam Xuân I.

- Các làng tái định cư bố trí ở phía Tây Khu kinh tế mở Chu Lai.

- Các khu cây xanh công viên phục vụ các khu ở, các khu đô thị và các khu cây xanh trong các đơn vị ở được bố trí tại các khu đô thị. Cây xanh sinh thái, cây xanh cách ly được bố trí tại ven các hồ sông Đầm, Tam Kỳ, Trường Giang.

(Danh mục các công trình quan trọng và các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư đến năm 2020 tại Phụ lục 2)

5. Nhu cầu, nguồn vốn và phân kỳ vốn đầu tư

a) *Nhu cầu vốn đầu tư:* ước tính tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng của Khu kinh tế mở Chu Lai thời kỳ 2006 - 2020 khoảng 29.000 - 30.000 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2011 - 2020 khoảng 21.000 tỷ đồng

b) *Nguồn vốn đầu tư, bao gồm:* vốn ngân sách nhà nước và có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, vốn huy động từ quỹ đất, vốn của các doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác.

(Chi tiết trong Phụ lục 1 kèm theo)

6. Giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện Quy hoạch

a) *Giải pháp huy động và sử dụng vốn đầu tư:*

Dự kiến tổng nhu cầu vốn đầu tư cho việc thực hiện Quy hoạch là lớn so với khả năng nguồn lực của Tỉnh và sự hỗ trợ của Trung ương. Vì vậy, để đáp ứng được nhu cầu vốn đầu tư cho việc thực hiện Quy hoạch, Tỉnh cần có hệ

thống các biện pháp huy động vốn một cách tích cực, huy động tối đa nguồn vốn từ quỹ đất, chú trọng thu hút vốn từ các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa – thể thao v.v.. Cụ thể cần tập trung vào một số giải pháp chủ yếu sau:

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật chính, hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng quan trọng, phục vụ chung cho Khu kinh tế mở Chu Lai. Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan bố trí vốn từ nguồn hỗ trợ có mục tiêu, nguồn ngân sách Trung ương cho tỉnh Quảng Nam để triển khai các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội quan trọng của Khu kinh tế mở Chu Lai.

- Huy động vốn FDI, vốn từ các doanh nghiệp, vốn trái phiếu công trình cho những dự án đầu tư xây dựng hạ tầng có quy mô lớn, có vai trò then chốt đối với sự phát triển của Khu kinh tế mở Chu Lai.

- Ưu tiên việc sử dụng các nguồn vốn ODA và vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội, các công trình dịch vụ tiện ích công cộng cần thiết của Khu kinh tế mở Chu Lai và các trợ giúp kỹ thuật khác.

- Thu hút vốn đầu tư theo các hình thức BOT, BT, BTO và các hình thức khác theo qui định của pháp luật;

- Huy động vốn từ quỹ đất theo quy định của pháp luật về đất đai để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội phục vụ chung cho Khu kinh tế mở Chu Lai.

- Huy động vốn đầu tư trực tiếp của các tổ chức, cá nhân trong nước, vốn ứng trước của các đối tượng có nhu cầu sử dụng hạ tầng, vốn của các doanh nghiệp có chức năng xây dựng và kinh doanh công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế, mọi loại hình doanh nghiệp trong và ngoài nước bỏ vốn ra đầu tư tại Khu kinh tế mở Chu Lai trong các lĩnh vực: đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng và đô thị, phát triển công nghiệp, kinh doanh thương mại, tài chính, ngân hàng, dịch vụ, du lịch, vận tải, bảo hiểm, vui chơi giải trí, đào tạo, y tế, nhà ở, cảng biển, xuất khẩu, nhập khẩu và các hoạt động sản xuất, kinh doanh khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết gia nhập.

b) Giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai.

- Ban hành các thể chế, cơ chế, chính sách mới, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi và bình đẳng, phù hợp với thông lệ quốc tế cho các loại

hình đầu tư, kinh doanh của các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước theo Quyết định số 253/2006/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Các giải pháp khác

- Xúc tiến đầu tư và thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.
- Phát triển và đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề.
- Phát triển các lĩnh vực, lãnh thổ, kết cấu hạ tầng bên ngoài Khu kinh tế mở Chu Lai và có kế hoạch giải phóng mặt bằng, giải toả đền bù, tái định cư ở Khu kinh tế mở Chu Lai.
- Cải cách thủ tục hành chính.

Điều 2. Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai căn cứ những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển Khu kinh tế mở Chu Lai nêu trong báo cáo Quy hoạch đã được phê duyệt, chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch, dự án theo quy định; bao gồm:

1. Quy hoạch chi tiết các khu chức năng để bảo đảm sự phát triển tổng thể và đồng bộ Khu kinh tế mở Chu Lai.
2. Các công trình, dự án đầu tư phát triển thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai.

Điều 3. Giao các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam theo chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp và hỗ trợ Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai triển khai các vấn đề: nghiên cứu lập, bổ sung các Quy hoạch; nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách về quản lý đầu tư, nguồn vốn đầu tư và điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu phát triển Khu kinh tế mở Chu Lai trong từng giai đoạn để đảm bảo thực hiện tốt những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển Khu kinh tế mở Chu Lai nêu trong báo cáo Quy hoạch và tại Quyết định này.

Đẩy nhanh tiến độ đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của Khu kinh tế mở Chu Lai đã được quyết định đầu tư. Nghiên cứu, xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án sẽ được đầu tư tại Khu kinh tế mở Chu Lai và các dự án có tác động cho sự phát triển vượt trội của Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam và Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Bộ KH&ĐT : Vụ KT&P<, Vụ QLQH, Vụ QL KKT
- Lưu: Văn thư, Vụ GS&TĐĐT (N. 115).



BỘ TRƯỞNG

Võ Hồng Phúc



PHỤ LỤC SỐ 1 DỰ KIẾN KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN VỐN
(Kèm theo Quyết định số 1522/2009/QĐ-BKH ngày 16 tháng 10 năm 2009)

Biểu 1: Dự kiến kế hoạch huy động các nguồn vốn đầu tư chủ yếu:

| Stt | Giai đoạn | Tổng cộng | Vốn ngân sách nhà nước và có nguồn gốc từ NSNN | Vốn của các doanh nghiệp trong và ngoài nước |
|-----|-------------------------------------|-----------|--|--|
| 1 | Nhu cầu vốn xây dựng KCHT (tỷ đồng) | 29.014 | 7.066 | 21.948 |
| | Đến 2015 | 18.208 | 5.508 | 12.700 |
| | 2016-2020 | 10.806 | 1.558 | 9.248 |
| 2 | Cơ cấu theo nguồn (%) | 100 | 24,4 | 75,6 |
| | Đến 2015 | 100 | 30,3 | 69,7 |
| | 2016-2020 | 100 | 14,4 | 85,6 |

Biểu 2: Dự kiến kế hoạch bố trí vốn đầu tư từ ngân sách và có nguồn gốc từ ngân sách:

| Stt | Giai đoạn đầu tư | Tổng cộng | Trong đó | | | | |
|-----|-------------------------------------|-----------|----------|-------------|---------------------|---------|--------------------------|
| | | | Vốn NSNN | Vốn quỹ đất | Vốn tín dụng ưu đãi | Vốn ODA | Vốn trái phiếu Chính phủ |
| 1 | Nhu cầu vốn xây dựng KCHT (tỷ đồng) | 7.066 | 4.276 | 583 | 900 | 415 | 892 |
| | Đến 2015 | 5.508 | 3.403 | 455 | 900 | 410 | 340 |
| | 2016-2020 | 1.558 | 873 | 128 | | 5 | 552 |
| 2 | Cơ cấu theo nguồn (%) | 100 | 60,5 | 8,3 | 12,7 | 5,9 | 12,6 |
| | Đến 2015 | 100 | 61,8 | 8,3 | 16,3 | 7,4 | 6,2 |
| | 2016-2020 | 100 | 56,0 | 8,2 | 0,0 | 0,3 | 35,4 |

Ghi chú: Về dự kiến kế hoạch huy động vốn đầu tư nêu trong Phụ lục sẽ được tính toán, điều chỉnh và xác định cụ thể, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực trong từng thời kỳ.



**PHỤ LỤC 2 : DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG
VÀ CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2020**
(Kèm theo Quyết định số 85/2009/QĐ-BKH ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

| STT | Danh mục công trình | Dự kiến quy mô | Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng) | Phân kỳ đầu tư | | Ghi chú |
|-----|---|-------------------|-----------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------------|
| | | | | Đến năm 2015 | Giai đoạn 2016-2020 | |
| | TỔNG SỐ | | 42,885 | 18,208 | 10,806 | |
| A | VỐN NGÂN SÁCH VÀ CÓ NGUỒN GỐC TỪ NGÂN SÁCH | | 7,066 | 5,508 | 1,558 | |
| I | Công trình giao thông | | 3,366 | 2,048 | 1,318 | |
| 1 | Bến số 3 -Cảng Kỳ Hà | 20.000-30.000 DWT | 340 | 340 | | |
| 2 | Đường thanh niên ven biển đoạn qua Khu kinh tế mở Chu Lai | 22 Km | 200 | 200 | | |
| 3 | Đường Nguyễn Văn Trỗi nối dài- KCN Tam Thăng | 2,4 Km | 26 | 26 | | |
| 4 | Nạo vét luồng từ phao số 0 đến cảng Kỳ Hà | 20.000-30.000 DWT | 380 | 380 | | |
| 5 | Đường kết nối cảng thuế quan, Quốc lộ 1A với đường cao tốc Đà Nẵng-Dung Quất | 4,8km | 72 | 72 | | |
| 6 | Đường kết nối trục thanh niên ven biển, trục trung tâm phía Đông với KCN Tam Anh (trục giữa khu đô thị Tam Hoà) | 7km | 170 | 170 | | bao gồm cầu qua sông Trường Giang |
| 7 | Đường trục trung tâm phía Đông kết nối hệ thống Trung tâm các khu đô thị Tam Phú-Tam Hoà | 17 Km | 340 | 340 | | |
| 8 | Đường phía Nam khu đô thị Tam Hoà (kết nối trục đường trung tâm phía Đông - Quốc lộ 1A-KCN Tam Anh) | 8,1km | 160 | 160 | | |
| 9 | Nâng cấp, mở rộng trục đường kết nối cảng phi thuế quan, sân bay Chu Lai, đường cao tốc Đà Nẵng-Dung Quất (ĐT039) | 10km | 150 | 150 | | |

| STT | Danh mục công trình | Dự kiến quy mô | Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng) | Phân kỳ đầu tư | | Ghi chú |
|-----------|---|----------------|-----------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------------|
| | | | | Đến năm 2015 | Giai đoạn 2016-2020 | |
| 10 | Đường trục chính trung tâm Khu đô thị mới Tam Phú (kết nối khu đô thị trung tâm Tam Kỳ với trục đường trung tâm phía Đông, đường thanh niên ven biển) | 5,5km | 210 | 210 | | |
| 11 | Cải tạo tuyến Quốc lộ 1A đoạn qua Khu kinh tế mở Chu Lai | 20 Km | 300 | - | 300 | |
| 12 | Đường phía Bắc khu đô thị Tam Hoà (kết nối trục đường thanh niên ven biển, đường trung tâm phía Đông, KCN Tam Anh) | 7,8km | 376 | - | 376 | bao gồm cầu qua sông Trường Giang |
| 13 | Nâng cấp, mở rộng trục đường kết nối cảng phi thuế quan, Quốc lộ 1A, tiếp giáp ĐT 620 nối dài và đường cao tốc | 8,1km | 340 | - | 340 | |
| 14 | Đường kết nối cảng cá Tam Giang với khu đô thị Núi Thành | 5km | 50 | - | 50 | |
| 15 | Đường kết nối Quốc lộ 1A, KCN Tam Thăng, trục đường trung tâm phía Đông và đường thanh niên ven biển | 7,6 km | 252 | - | 252 | bao gồm cầu qua sông Trường Giang |
| II | Công trình công cộng | | 1,344 | 1,344 | - | |
| 1 | Khu dân cư (TDC) Tam Quang tại TT. Núi Thành | 62,45ha | 230 | 230 | | |
| 2 | Khu tái định cư Tam Quang II tại thị trấn Núi Thành | 23,1ha | 20 | 20 | | |
| 3 | Khu dân cư Tam Hiệp | 12 ha | 45 | 45 | | |
| 4 | Khu tái định cư Chợ Trạm | 23 ha | 60 | 60 | | |
| 5 | Khu tái định cư phía Tây đường An Hà-Quảng Phú | 27,052 ha | 70 | 70 | | |
| 6 | Khu dân cư đường 617 | 63,27 ha | 29 | 29 | | |
| 7 | Khu dân cư tái định cư phía Tây đường thanh niên ven biển | 110ha | 130 | 130 | | |

| STT | Danh mục công trình | Dự kiến quy mô | Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng) | Phân kỳ đầu tư | | Ghi chú |
|------------|--|----------------|-----------------------------------|----------------|---------------------|---------|
| | | | | Đến năm 2015 | Giai đoạn 2016-2020 | |
| 8 | Khu dân cư tái định cư phía Tây sông Trường Giang | 185ha | 210 | 210 | | |
| 9 | Khu dân cư tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Khu Thương mại tự do | 100ha | 120 | 120 | | |
| 10 | Khu dân cư tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng khu công nghiệp Tam Anh | 110ha | 130 | 130 | | |
| 11 | Khu dân cư tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Khu du lịch Tam Hải | 200 ha | 240 | 240 | | |
| 12 | Xây dựng các điểm dân cư phục vụ yêu cầu tái định cư xây dựng công trình giai đoạn 2011-2015 | 50 ha | 60 | 60 | | |
| III | Công trình môi trường | | 202 | 202 | - | |
| 1 | Hệ thống xử lý nước thải, chất thải KCN Bắc Chu Lai | | 40 | 40 | | |
| 2 | Khu nghĩa trang trong KKTM Chu Lai | 40ha | 20 | 20 | | |
| 3 | Hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn Khu kinh tế mở Chu Lai | 40.000T/năm | 20 | 20 | | |
| 4 | Trung tâm phòng cháy, chữa cháy Chu Lai | 5 ha | 30 | 30 | | |
| 5 | Trung tâm quan trắc và giám sát môi trường Chu Lai | 2 ha | 2 | 2 | | |
| 6 | Hệ thống xử lý nước thải và vệ sinh môi trường khu dân cư đô thị phía Nam Khu kinh tế mở Chu Lai | | 90 | 90 | | |
| IV | Công trình y tế | | 500 | 500 | - | |
| 1 | Bệnh viện đa khoa trung ương Quảng Nam | 600 giường | 500 | 500 | | |

| STT | Danh mục công trình | Dự kiến quy mô | Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng) | Phân kỳ đầu tư | | Ghi chú |
|------------|---|----------------|-----------------------------------|----------------|---------------------|---------|
| | | | | Đến năm 2015 | Giai đoạn 2016-2020 | |
| V | Công trình, hạng mục khác | | 1,654 | 1,414 | 240 | |
| 1 | Trụ sở làm việc Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai | 3000 m2 | 14 | 14 | | |
| 2 | Xây dựng các Trung tâm văn hoá thể thao và công viên cây xanh | 12 ha | 40 | - | 40 | |
| 3 | Dự án bồi thường -giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư đến năm 2015 | 4500 ha | 1,400 | 1,400 | | |
| 4 | Xây dựng hạ tầng hạ tầng thiết yếu khác phục vụ yêu cầu giai đoạn 2015-2020 | | 200 | - | 200 | |
| B | VỐN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI | | 35,819 | 12,700 | 9,248 | |
| I | Xây dựng hệ thống cấp điện | | 1,295 | 455 | 840 | |
| 1 | Đường dây và trạm giảm áp 220 KVA | 2x250MVA | 510 | 170 | 340 | |
| 2 | Đường dây và trạm biến áp 110 KVA | 2x40 MVA | 605 | 165 | 440 | |
| 3 | Đường dây và trạm biến áp 22 KVA | | 180 | 120 | 60 | |
| II | Xây dựng hạ tầng bưu chính viễn thông | | 150 | 100 | 50 | |
| III | xây dựng hệ thống cung cấp nước | 50.000 m3/nd | 250 | 150 | 100 | |
| IV | Xây dựng hạ tầng các khu du lịch, thương mại | | 4,625 | 2,025 | 1,850 | |
| 1 | Khu du lịch Tam Hải | 500 ha | 1,250 | 500 | 500 | |
| 2 | Khu du lịch Tam Hoà | 450ha | 1.125 | 500 | 375 | |

| STT | Danh mục công trình | Dự kiến quy mô | Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng) | Phân kỳ đầu tư | | Ghi chú |
|-----------|--|----------------|-----------------------------------|----------------|---------------------|---------|
| | | | | Đến năm 2015 | Giới đoạn 2016-2020 | |
| 3 | Khu du lịch Tam Tiến | 450ha | 1,125 | 500 | 500 | |
| 4 | Khu du lịch Tam Thanh | 250ha | 625 | 250 | 250 | |
| 5 | Khu du lịch Bãi Rạng | 120ha | 300 | 175 | 125 | |
| 6 | Các siêu thị, Trung tâm thương mại, dịch vụ công nghệ cao | 20ha | 200 | 100 | 100 | |
| V | Xây dựng hạ tầng các phân khu công nghiệp | | 7,238 | 5,290 | 748 | |
| 1 | Khu công nghiệp Bắc Chu Lai (bao gồm cả phân khu công nghiệp ô tô) | 630 ha | 1,100 | 1,100 | | |
| 2 | Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tam Hiệp và khu hậu cần cảng Tam Hiệp | 710ha | 1,005 | 1,005 | | |
| 3 | Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu Thương mại tự do | 1200ha | 1,800 | 600 | 300 | |
| 4 | Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tam Anh | 1915ha | 2,873 | 2,250 | 323 | |
| 5 | Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp công nghệ cao Tam Thăng | 300 ha | 450 | 325 | 125 | |
| 6 | Khu cây xanh | 200ha | 10 | 10 | | |
| VI | Xây dựng hạ tầng các khu đô thị | | 9,287 | 1,575 | 1,760 | |
| 1 | Hạ tầng khu đô thị Tam Hiệp | 215ha | 537 | 250 | 125 | |
| 2 | Hạ tầng khu đô thị Tam Hoà | 1640ha | 3,800 | 500 | 750 | |
| 3 | Hạ tầng khu đô thị Tam Phú | 2000ha | 4,700 | 750 | 835 | |

| STT | Danh mục công trình | Dự kiến quy mô | Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng) | Phân kỳ đầu tư | | Ghi chú |
|-------------|--|------------------------------------|-----------------------------------|----------------|---------------------|---------|
| | | | | Đến năm 2015 | Giai đoạn 2016-2020 | |
| 4 | Khu chung cư, Khu dịch vụ và nhà ở cho công nhân | 100 ha | 250 | 75 | 50 | |
| VII | Xây dựng công trình giáo dục đào tạo | | 190 | 190 | - | |
| 1 | Trường dạy nghề chất lượng cao | 3000 hv | 25 | 25 | | |
| 2 | Xây dựng Trường Đại học Chu Lai | 5000 hv | 110 | 110 | | |
| 3 | Xây dựng Trường phổ thông quốc tế Chu Lai | 1000 hs | 55 | 55 | | |
| VIII | Xây dựng hạ tầng giao thông | | 11,984 | 2,515 | 3,500 | |
| 1 | Nâng cấp, mở rộng hệ thống bến cảng số 2 | 20.000-30.000 DWT | 240 | 40 | 200 | |
| 2 | Bến cảng container số 4 | 20.000-30.000 DWT | 300 | - | 300 | |
| 3 | Bến cảng và luồng vào bến cảng Tam Hiệp | 20.000-30.000 DWT | 275 | 275 | | |
| 4 | Hạ tầng kỹ thuật sân bay Chu Lai | 5 triệu tấn HH, 4 triệu hành khách | 11.169 | 2.200 | 3.000 | |
| IX | Xây dựng các hạ tầng thiết yếu khác | | 800 | 400 | 400 | |

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích chiếm đất, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trong Phụ lục sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực trong từng thời kỳ.